TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:428/2020/QĐST-HNGĐ	Hai Bà Trưng, ngày 28 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 29; khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212 và Điều 213; Điều 396; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21tháng 10 năm 2020;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 611/2020/TLST-HNGĐ ngày06tháng 10năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1983
Hộ khẩu thường trú: phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Hiện trú tại: An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.

Và Anh Bùi Tiến H – sinh năm 1969
Hộ khẩu thường trú và trú tại: phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Tiến H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/07/2019 tại Uỷ ban nhân dân phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Đây là kết hôn lần thứ hai của anh chị. Trước khi đăng ký kết hôn anh chị đã chung sống với nhau và có 01 con chung sinh năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng không sống chung với nhau ngày nào mà mỗi người một nhà từ thời điểm kết

hôn. Quá trình vợ chồng chung sống không có hạnh phúc và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm lối sống, tính cách không hợp. Anh chị đã cố gắng nói chuyện với nhau và được gia đình hai bên hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm. Anh chị đã sống ly thân từ thời điểm kết hôn cho đến nay.

Nay chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Tiến H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Tiến H thống nhất xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Bùi Tùng D, sinh ngày 10/8/2018. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao con chung Bùi Tùng D cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Anh H, chị H thống nhất thỏa thuận anh H sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 3.0000.000 đồng/tháng.

[3]. Về tài sản chung và nhà ở chung:

Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Tiến H xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về công nợ chung:

Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Tiến H xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí:

Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

*** Về tình cảm:**Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Tiến Hcùng thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:**

Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Tiến H thống nhất xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Bùi Tùng D, sinh ngày 10/8/2018. Ly hôn, anh H, chị H thống nhất thỏa thuận giao con chung Bùi Tùng D cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 11/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc tới khi anh chị có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Anh H, chị H thống nhất thỏa thuận anh H sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 3.0000.000 đồng/tháng.

Anh Hcó quyền, nghĩa vụ đi lại thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

*** Về tài sản chung và nhà ở chung:**

Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Tiến H thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

*** Về công nợ chung:**

Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Tiến H thống nhấtxác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án :

Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0003503ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND P.Phú Đô, Q. Nam Từ Liêm.
(Số36/2019)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thanh Tú